

AN NINH MÔI TRƯỜNG RỪNG KHU VỰC BIÊN GIỚI VÙNG TÂY NGUYÊN

NGUYỄN SONG TÙNG, TRẦN THỊ TUYẾT

Tóm tắt: Môi trường rừng khu vực biên giới vùng Tây Nguyên có vai trò thiết yếu trong quá trình phát triển kinh tế, an sinh xã hội và môi trường sinh thái. Do đó, để đảm bảo an ninh môi trường khu vực biên giới vùng Tây Nguyên cần thiết phải duy trì và phát triển được an ninh môi trường rừng, nhất là cải thiện chất lượng rừng gắn với an ninh lãnh thổ và sinh kế dân cư. Nghiên cứu này tập trung phân tích một số nội dung về diễn biến rừng, chất lượng rừng và ảnh hưởng của môi trường rừng đến an ninh môi trường và sinh kế dân cư. Trên cơ sở nghiên cứu các tư liệu của các cơ quan quản lý và các công trình đã công bố bài báo đề xuất giải pháp đảm bảo an ninh môi trường rừng khu vực nghiên cứu.

Từ khóa: an ninh môi trường, rừng, khu vực biên giới, Tây Nguyên

THE ENVIRONMENTAL SECURITY OF FOREST IN CENTRAL HIGHLANDS BORDER AREA

Abstract: Forests are considered an important element of environmental security and a condition for the formation and development of the territory. The forest environment in the Central Highland border area plays an essential role in the process of economic development, social security, and ecological balance. Therefore, it is necessary to maintain and enhance the security of the forest environment, especially by improving forest quality linked to territorial security and livelihoods. This study focuses on analyzing changes in forests, forest quality, and their impact on environmental security and local livelihoods. Based on the study of documents from authorities and published works, this article proposed solutions to ensure environmental security of forests in the research area.

Keywords: environmental security, forests, border area, Central Highland

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu vực biên giới vùng Tây Nguyên trải dài 4/5 tỉnh của vùng, giáp với biên giới của Lào và Campuchia. Khu vực có diện tích rừng khá lớn trên 2 triệu ha, chiếm 80% diện tích rừng toàn vùng và gần 14% tổng diện tích rừng của cả nước. Trong thời gian qua, các địa phương vùng Tây Nguyên đã triển khai nhiều biện pháp để quản lý rừng bền vững.

Tuy nhiên, kết quả thu được còn nhiều hạn chế, môi trường rừng đang phải đối mặt với nhiều thách thức từ áp lực tăng trưởng kinh tế - xã hội, gia tăng dân số và hạn chế trong nhận

thức về vai trò, lợi ích của quản lý rừng bền vững và năng lực quản lý của chủ rừng. Để đối mặt với những thách thức này, cần phải có sự phối hợp và các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả của quản lý rừng bền vững hướng tới mục tiêu phát triển bền vững vùng và quốc gia.

Bài viết này tập trung vào một số vấn đề chính liên quan và đề xuất các khuyến nghị quan trọng cho việc bảo vệ, quản lý và phát triển bền vững môi trường rừng ở khu vực biên giới vùng Tây Nguyên.

2. CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở dữ liệu

Để tiến hành phân tích các nội dung liên quan đến an ninh môi trường rừng khu vực biên giới vùng Tây Nguyên, các nguồn tài liệu sau đã được sử dụng: (1) Các công trình khoa học đã được công bố trên tạp chí, báo cáo khoa học, kết quả nghiên cứu của đề tài: “*Nghiên cứu an ninh môi trường vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh chính trị trong điều kiện hiện nay*”; (2) Báo cáo của các cơ quan quản lý, như: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

(1) *Phương pháp tổng hợp và phân tích tư liệu*

Trên cơ sở các tài liệu thu thập, tác giả tiến hành nghiên cứu tìm hiểu các nội dung có liên quan đến diễn biến môi trường rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng của chất lượng rừng đến an ninh khu vực biên giới vùng Tây Nguyên, từ đó chuẩn hóa các dữ liệu nhằm xây dựng luận cứ, cách tiếp cận nghiên cứu, đề xuất giải pháp một cách đồng bộ, hợp lý.

Dựa trên các số liệu thu thập, tác giả thống kê và xử lý bằng phần mềm tính toán Excel, kết quả là các bảng, hình vẽ có liên quan.

(2) *Phương pháp so sánh*

Trên cơ sở chuẩn hóa và xử lý các dữ liệu, tiến hành phân tích, xác định các nội dung có

liên quan đến an ninh môi trường rừng của khu vực nghiên cứu. Các kết quả phân tích, so sánh là cơ sở đề xuất giải pháp đảm bảo an ninh môi trường rừng của khu vực nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Diễn biến môi trường rừng khu vực biên giới Tây Nguyên

Tây Nguyên có khí hậu cận xích đạo, nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, điều hoà quanh năm, biên độ nhiệt ngày và đêm chênh lệch khá lớn, trên 5,5°C, lượng bức xạ mặt trời lớn với số giờ nắng dao động từ 1.400 - 3.000 giờ/năm. Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.500 - 2.000 mm. Chế độ nhiệt ẩm cao đã trở thành điều kiện thuận lợi cho sự tồn tại của những hệ sinh thái rừng nhiệt đới điển hình, có năng suất cao ở nơi có lượng mưa nhiều và rừng khộp - rừng rụng lá mùa khô ở nơi mùa khô kéo dài. Sự đa dạng của các hệ sinh thái rừng đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều giống loài động thực vật phát triển, từ cây gỗ lớn nhiều tầng, cây bụi, dây leo, thực vật ngoại tầng và nhiều loài động vật quý hiếm.

Tuy nhiên, cùng với tiến trình phát triển của vùng nói chung và khu vực biên giới nói riêng, môi trường rừng có nhiều biến động lớn. Theo đó, diện tích rừng có xu hướng giảm trong giai đoạn 2000 - 2023 khoảng 325,4 nghìn ha, trung bình giảm 14,1 nghìn ha/năm.

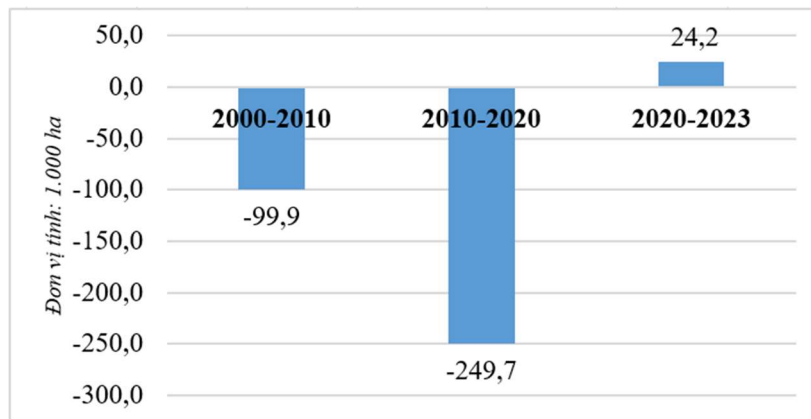
Bảng 1. Diễn biến diện tích và độ che phủ rừng tại khu vực biên giới Tây Nguyên

Năm	Diện tích có rừng (nghìn ha)			Độ che phủ rừng (%)
	Tổng số	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
2000	2.373,1	2.339,2	34,0	54,6
2005	2.365,8	2.270,8	95,0	53,9
2010	2.273,2	2.115,3	157,8	51,0
2015	2.026,0	1.781,8	244,2	45,1
2018	2.020,6	1.753,0	267,6	45,2
2020	2.023,5	1.724,9	298,5	45,0
2022	2.032,9	1.636,2	396,6	45,1
2023	2.047,7	1.638,9	408,8	45,4

Nguồn: Bộ NN&PTNT, các năm 2000, 2006, 2011, 2016, 2019, 2021, 2023, 2024 [5]

Theo số liệu thống kê của các địa phương khu vực biên giới Tây Nguyên, giai đoạn 2010 - 2020 diện tích rừng suy giảm lớn nhất, chiếm 71% tổng diện tích rừng suy giảm của cả giai đoạn 2000 - 2020, tương ứng 249,7 nghìn ha, trung bình giảm gần 25 nghìn ha/năm. Giai đoạn 2000 - 2010

giảm gần 100 nghìn ha, tương ứng gần 10 nghìn ha/năm. Trong 3 năm trở lại đây (2020 - 2023) diện tích rừng của các địa phương khu vực biên giới Tây Nguyên gia tăng 24,2 nghìn ha, trung bình tăng 8 nghìn ha/năm. Đặc biệt, năm 2023 tăng gần 15 nghìn ha so với năm 2022.



Hình 1. Biến động diện tích rừng theo các giai đoạn khu vực biên giới Tây Nguyên

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Cùng với suy giảm diện tích rừng, độ che phủ rừng giai đoạn 2000 - 2020 cũng suy giảm liên tục qua các năm, từ 54,6% năm 2000 xuống còn 45,1% năm 2020. Trong đó, giai đoạn 2000 - 2010, giảm 3,6%; giai đoạn 2010 - 2020 giảm 6%. Giai đoạn 2020 - 2023, tăng 0,4%. Năm 2023, Kon Tum là địa phương có độ che phủ

rừng lớn nhất 63,69%, thấp hơn 3% so với năm 2010 và tương ứng với độ che phủ rừng năm 2000. Tiếp theo là tỉnh Gia Lai có độ che phủ rừng gần 41%, thấp hơn 4,5% so với năm 2010 và 6,9% so với năm 2000. Tỉnh Đắk Lắk có độ che phủ rừng suy giảm lớn nhất năm 2023 (38,04%) thấp hơn năm 2010 là 7,5%.

Bảng 2. Diễn biến độ che phủ rừng giai đoạn 2000 - 2023 theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: %

TT	Địa phương	2000	2005	2010	2015	2018	2020	2023
1	Kon Tum	63,7	65,1	66,8	62,2	62,3	63,02	63,69
2	Gia Lai	47,9	48,6	45,5	40,2	40,8	40,20	40,95
3	Đắk Lắk	52,1	45,5	45,5	39,3	38,5	38,75	38,04
4	Đắk Nông		56,4	44,2	38,8	39,2	38,06	39,07

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Xét theo đơn vị hành chính, giai đoạn 2000 - 2020, 3/4 tỉnh có diện tích rừng suy giảm liên tục hàng năm với diện tích khá tương đồng trên 100 nghìn ha. Trong đó, tỉnh Đắk Nông có diện

tích giảm lớn nhất, trên 134 nghìn ha (từ 385 nghìn ha năm 2000 giảm còn 251 nghìn ha năm 2020), giảm chủ yếu trong giai đoạn 2000 - 2010, chiếm 72% tổng diện tích suy giảm của

cả giai đoạn 2000 - 2020. Tiếp theo là tỉnh Đắk Lắk giảm 115 nghìn ha và tỉnh Gia Lai giảm 110 nghìn ha. Địa phương duy nhất có diện tích rừng tăng là Kon Tum tăng 8 nghìn ha, tăng chủ yếu trong giai đoạn 2000 - 2010, tăng 41 nghìn ha, nhưng sang giai đoạn 2010 - 2020 giảm 33

nghìn ha. Năm 2023, chỉ có tỉnh Đắk Lắk, diện tích rừng tiếp tục suy giảm, giảm 11 nghìn ha so với năm 2020; các địa phương còn lại diện tích rừng tăng, khoảng 12 nghìn ha đối với tỉnh Kon Tum và Gia Lai; tăng 7 nghìn ha đối với tỉnh Đắk Nông.

Bảng 3. Diễn biến diện tích rừng giai đoạn 2000 - 2023 theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: nghìn ha

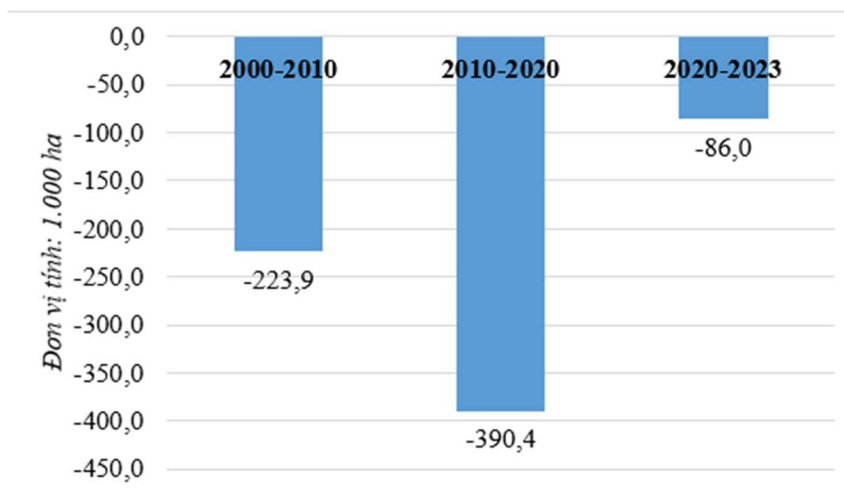
TT	Tỉnh	2000	2010	2015	2020	2023	Biến động giai đoạn 2000 - 2020
1	Kon Tum	613	654	618	621	633	8
2	Gia Lai	743	720	626	633	650	- 110
3	Đắk Lắk	633	611	526	518	507	- 115
4	Đắk Nông	385	289	256	251	258	- 134

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

3.2. Suy giảm chất lượng rừng khu vực biên giới Tây Nguyên

Tây Nguyên là vùng có diện tích rừng tự nhiên lớn của cả nước, có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, xuất phát từ đặc điểm tầng tán, sinh học đa dạng, cơ sở hình thành các dạng tài nguyên quan trọng cho lãnh thổ và dân cư. Tuy nhiên, theo thống kê giai đoạn 2000 - 2020, diện tích rừng tự nhiên đang suy giảm

nhầm trọng, giảm 614,3 nghìn ha, trung bình giảm gần 31 nghìn ha/năm. Trong đó, giai đoạn 2010 - 2020 tốc độ giảm mạnh nhất, chiếm 63,6%, tương ứng 390,4 nghìn ha, trung bình giảm 39 nghìn ha/năm, gấp 1,7 lần mức trung bình giảm hàng năm của giai đoạn 2000 - 2010. Từ năm 2021 đến nay mức giảm thấp hơn trung bình năm của giai đoạn 2010 - 2020 nhưng vẫn mất gần 28 nghìn ha/năm.

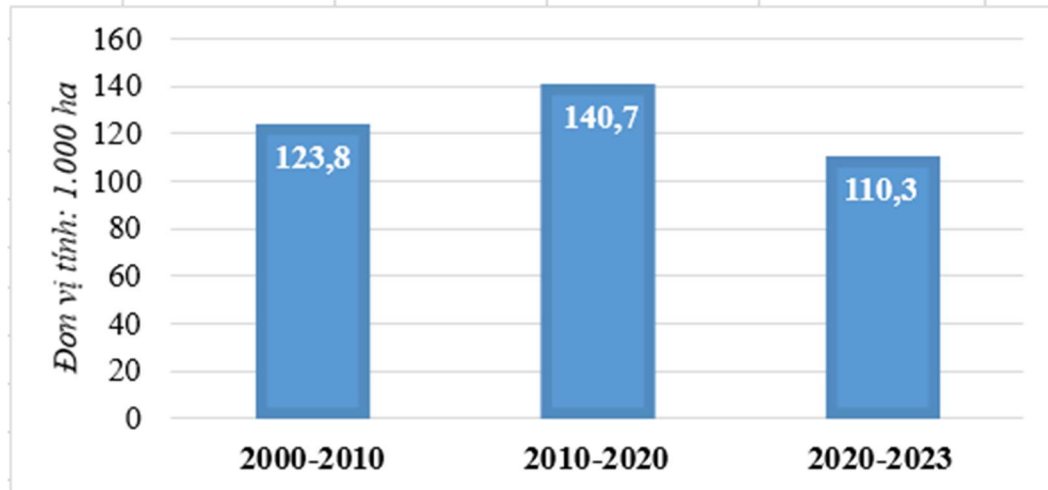


Hình 2. Suy giảm diện tích rừng tự nhiên theo các giai đoạn khu vực biên giới vùng Tây Nguyên

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả, 2024

Mặc dù diện tích rừng trồng gia tăng 13 nghìn ha/năm, chủ yếu tăng trong giai đoạn 2010 - 2020 (14 nghìn ha/năm), nhưng chủ yếu là đơn loài nên chất lượng rừng không được bảo đảm, khả năng chống chịu thiên tai kém. Theo các cơ quan quản lý, tình trạng vi phạm pháp luật về

quản lý, bảo vệ rừng ở vùng Tây Nguyên tiếp tục gia tăng, chiếm 1/3 diện tích rừng bị phá của cả nước. Nguồn tài nguyên rừng bị suy thoái nghiêm trọng, đa dạng sinh học rừng bị suy giảm. Tỷ lệ rừng giàu chỉ còn chưa đến 10%, rừng nghèo kiệt gần 70% [6].



Hình 3. Diễn biến diện tích rừng trồng theo các giai đoạn khu vực biên giới vùng Tây Nguyên

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả, 2024

Xét theo đơn vị hành chính, giai đoạn 2000 - 2020, tất cả các tỉnh khu vực biên giới của vùng đều suy giảm diện tích rừng tự nhiên. Ba tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông diện tích suy giảm chiếm 91,1% với mức giảm khá tương đồng khoảng 185 nghìn ha, trung bình 9,3 nghìn ha/năm. Tỉnh có mức giảm thấp nhất là Kon Tum, trung bình giảm 2,7 nghìn ha/năm. Tuy nhiên, nếu xét về tỷ lệ giảm của từng địa phương, tỉnh Đắk Nông có tỷ lệ giảm

lớn nhất, giảm gần 49% diện tích rừng tự nhiên so với năm 2000; tiếp theo là tỉnh Đắk Lắk, giảm 30,2% và tỉnh Gia Lai, giảm 25,4% so với diện tích năm 2000. Năm 2023, ngoại trừ tỉnh Kon Tum có diện tích rừng tự nhiên tăng khoảng 4,5 nghìn ha so với năm 2020, còn lại 3 tỉnh tiếp tục suy giảm. Trong đó, tỉnh Gia Lai giảm mạnh nhất 64,4 nghìn ha, tiếp theo là Đắk Lắk giảm gần 26 nghìn ha và tỉnh Đắk Nông giảm 300 ha.

Bảng 4. Diễn biến diện tích rừng tự nhiên theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: 1.000 ha

TT	Địa phương	2000	2005	2010	2015	2020	2023	Biến động giai đoạn 2000-2023
1	Kon Tum	602,5	597,7	612,2	546,4	547,8	552,3	-50,2
2	Gia Lai	728,4	727,0	673,5	553,8	543,1	478,7	-249,7
3	Đắk Lắk	627,2	585,9	567,9	471,6	437,7	411,9	-215,3
4	Đắk Nông	381,1	360,2	261,7	210,0	196,3	196,0	-185,1

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả, 2024

Suy giảm diện tích và chất lượng rừng khu vực biên giới chủ yếu là do: 1) Điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp sang đất khác (chủ yếu sản xuất nông nghiệp) 1.801,75 ha; 2) Khai thác rừng theo kế hoạch và một phần phá rừng trái phép, cháy rừng... 158.967,85 ha; 3) Chuyển đổi sang làm thủy điện (mặt nước) 2.022,41 ha; 4) Chuyển đổi, cải tạo rừng, nhất là rừng khộp sang trồng cây công nghiệp, rừng trồng 33.176,64 ha và 5) Sai lệch hiện trạng giữa bản đồ và thực tế 19.849,84 ha [7].

3.3. Ảnh hưởng của suy thoái chất lượng rừng đến an ninh khu vực biên giới Tây Nguyên

(1) Ảnh hưởng đến an ninh môi trường

An ninh môi trường là một hợp phần của an ninh quốc gia, là khả năng cung cấp ổn định, an toàn của các thành phần môi trường sống cho quá trình phát triển của lãnh thổ và con người. Rừng được xem là một hợp phần quan trọng của môi trường tự nhiên, quyết định đến sự ổn định, an toàn của vùng Tây Nguyên.

Rừng tự nhiên được hình thành qua chọn lọc tự nhiên nên bền vững hơn trong các hoàn cảnh biến đổi bất lợi. Khả năng chống xói mòn của rừng tự nhiên cao gấp nhiều lần rừng trồng do kết cấu rừng và lớp thảm tươi, thảm mục che phủ mặt đất. Đối với rừng tự nhiên có đủ 3 tầng tán (tầng ưu thế sinh thái, tầng trung gian, tầng thảm tươi và cây tái sinh) thì xói mòn đất coi là 0 dù trên đất dốc hay khi có mưa lớn. Rừng tự nhiên cản dòng chảy mặt đất rất hiệu quả, dù mưa lớn và lâu nhưng lượng mưa thấm trên lớp thảm mục, mùn, ngấm qua mặt đất theo chiều sâu tạo thành dòng chảy ngầm. Khi hạn chế được dòng chảy mặt thì không có hiện tượng xói mòn đất, cũng không tạo ra lũ ống, lũ quét. Đặc điểm này rất quan trọng cho việc giữ bằng được rừng tự nhiên tại đầu nguồn trong mọi khu rừng phòng hộ. Tuy

nhiên, do tình trạng chặt phá rừng vì mục đích thương mại, việc chuyển đổi đất rừng thành đất trồng cây công nghiệp, là một trong những nguyên nhân chính gây mất rừng tự nhiên, nhất là diện tích rừng đầu nguồn làm suy giảm lớp phủ thực vật, phân mảnh môi trường sống hoang dã của nhiều loài sinh vật nguy cấp, xói mòn lưu vực, tăng nguy cơ lũ.

Chất lượng rừng suy giảm đã ảnh hưởng đến an ninh môi trường của khu vực, không có khả năng chống chịu với các tác động của thiên tai, nhất là trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, thất thường với xu hướng lượng mưa nhiều hơn, cường độ mưa lớn hơn so với cùng kỳ các năm trước dẫn đến tình trạng ngập úng cục bộ. Mất rừng ảnh hưởng đến nguồn sinh thủy, rừng suy giảm, độ che phủ rừng bị giảm từ 62,8% năm 1992 chỉ còn 45% năm 2023, giảm 17% trong 32 năm, nên tổng lượng mưa giảm (kết quả các nghiên cứu cho thấy tăng độ che phủ lên 10% thì lượng mưa tăng 2,5%) [8]. Diện tích một số kiểu rừng chính như rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá bị suy giảm mạnh, địa hình dốc... làm tăng dòng chảy bề mặt và giảm mực nước ngầm, gây lũ lụt và giảm nguồn nước cung cho các sông, suối, hồ, nhất là vào mùa khô.

Nguồn nước ngầm tại khu vực này đang bị khai thác quá mức và lâm vào tình trạng kiệt quệ. Vào mùa khô 2015 - 2016, 2019 - 2020, Tây Nguyên phải hứng chịu đợt khô hạn lịch sử trong hơn 20 năm qua. Hệ thống sông, suối, hồ chứa... cạn kiệt nước, mực nước ngầm giảm sâu đến mức khó có thể khai thác phục vụ nhu cầu sinh hoạt, chưa kể tưới cho cây nông - công nghiệp. Đã có hơn 160.000 ha diện tích cây trồng bị thiệt hại bởi khô hạn và hàng ngàn ha cà phê, tiêu... mất trắng. Mưa lũ trái mùa xảy ra thường xuyên hơn, năm 2022: Từ đêm ngày 30/03 đến ngày 02/4, từ ngày 07 - 13/7, từ ngày

01 - 06/12 khu vực Tây Nguyên đã có mưa to đến rất to với lượng phổ biến từ 100 - 300 mm, một số trạm có lượng mưa lớn như: Đắk Ngo (Đắk Nông) 436 mm, Thôn 10 xã Ea M'Đoal (Đắk Lắk) 622 mm [1].

Lũ quét, sạt lở đất thường xảy ra ở vùng đồi núi, nơi có độ dốc lớn, địa chất yếu, xen kẽ, cường độ mưa lớn. Lũ quét cũng có thể xảy ra do vỡ hồ chứa, sạt lở đất, bồi lấp, cản trở dòng chảy... Lũ quét đã và đang có nguy cơ xảy ra hầu khắp 33 tỉnh trong cả nước thuộc 4 vùng: vùng núi phía Bắc, Trung Bộ, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Trong đó, các địa phương khu vực biên giới vùng Tây Nguyên số lượng các đợt lũ và sạt lở đất xảy ra thường xuyên hơn.

(2) Đa dạng sinh học suy giảm

Tây Nguyên còn là nơi cư trú của hơn 150 loài thú có vú, 400 loài chim, 100 loài bò sát, cũng như côn trùng các loại. Tuy nhiên, chất lượng rừng tự nhiên suy giảm đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của các loài động, thực vật hoang dã, mức độ ĐDSH và khả năng cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng cho nền kinh tế.

Theo số liệu thống kê của Chi cục Kiểm lâm vùng IV, tính đến tháng 5/2022 trong vùng có 1.253 cơ sở, trại nuôi động vật hoang dã với số lượng 58.302 cá thể (có 216 cơ sở đã được cấp mã số). Trong đó, động vật hoang dã nguy cấp quý hiếm 34.562 cá thể; động vật thông thường 22.510 cá thể; 32 cá thể gấu và loài khác 1.188 cá thể. Số liệu thống kê các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã cho thấy, từ năm 2016 đến 3 tháng đầu năm 2022 là 266 vụ, tịch thu hơn 316 cá thể, trong đó 16 cá thể quý hiếm [2].

Hầu hết các khu rừng đều biến đổi và tính đa dạng sinh học bị suy giảm, nhất là số lượng nhiều động vật quý hiếm đã suy giảm đáng kể, như: loài bò xám là động vật cực kỳ quý hiếm ở khu vực Đông Dương, trước đây khá phổ biến

trong rừng Yok Đôn (Đắk Lắk) và Chư Mom Ray (Kon Tum) nhưng ngày nay không còn. Tương tự, loài heo vòi trước đây vẫn thấy xuất hiện tại khu rừng Chư Mom Ray, nhưng đến nay đã bị tuyệt chủng. Nai Cà tong trước đây sống khá phổ biến ở nhiều khu rừng, nay cũng biến mất khỏi Gia Lai và Kon Tum. Ở Đắk Lắk nai Cà tong chỉ còn số cá thể rất ít và đang có nguy cơ bị tuyệt chủng. Các loài hổ, báo, gấu giảm số lượng khá lớn.

Voi được xem là một trong những biểu tượng của đất rừng Tây Nguyên, theo thống kê trong khoảng hơn 30 năm trở lại đây, số lượng voi Việt Nam nói chung và voi Tây Nguyên suy giảm nhanh theo từng năm. Những năm 1990, ước tính số voi hoang dã của Việt Nam còn khoảng 1.500 - 2.000 cá thể. Tuy nhiên, hiện nay, Việt Nam chỉ còn khoảng 124 đến 148 cá thể voi hoang dã, trong đó VQG Yok Đôn (tỉnh Đắk Lắk) còn khoảng 80 - 100 cá thể [4].

(3) Ảnh hưởng đến an ninh sinh kế

Vùng Tây Nguyên là thượng nguồn của các con sông lớn chảy xuống đồng bằng ven biển miền Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Campuchia như sông Mêkông, sông Đồng Nai, sông Ba, sông Sê San, sông Thu Bồn, sông Trà Khúc, có trữ năng thủy điện chiếm 21% cả nước (chỉ sau vùng Tây Bắc). Tuy nhiên, chất lượng rừng suy giảm nên khả năng giữ nước, điều tiết nước giảm dẫn đến nguồn nước đang đứng trước tình trạng suy giảm nghiêm trọng, gây khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của hàng triệu người dân; gây khó khăn cho các nhà máy thủy điện nhất là vào mùa khô.

Môi trường rừng trở thành nguồn lực sinh kế quan trọng của người dân Tây Nguyên. Rừng là nơi cung cấp tài nguyên cho các hoạt động sinh hoạt và phát triển của dân cư. Rừng bị suy thoái, đồng thời làm suy giảm vốn sinh kế, nhất là suy

giảm tài nguyên đất, nước - nhân tố quyết định đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Một thực tế đang diễn ra ở công trình thủy điện Sê San 4, giáp ranh giữa 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Trước khi có công trình thủy điện, vì lưu vực sông này có độ dốc cao, hai bên là sườn núi dựng đứng gần sát khu vực biên giới nên các đối tượng khai thác gỗ và các loại lâm sản khó có đường vào rừng. Tuy nhiên, khi lòng hồ Sê San 4 tích nước, mặt nước dâng cao, lòng hồ mở rộng đến 4.800 ha. Bờ hồ bên trái đập phía huyện Ia Grai, Gia Lai kéo dài hơn 40 km khá đông dân cư trú; bờ hồ bên phải thuộc xã biên giới Mô Ray huyện Sa Thầy - Kon Tum là những cánh rừng đại ngàn với trữ lượng gỗ khá lớn lại có nhiều khe suối, nước men theo đó dâng cao, cơ hội để lâm tặc phá rừng.

Ngoài ra, sự phát triển của các công trình thủy điện đã ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản, nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng. Nguyên nhân là do công trình thủy điện làm thay đổi chế độ thủy văn từ sông ngòi sang hồ chứa, dòng chảy không ổn định, thời gian tập trung dòng chảy ngắn lại. Đập chắn ngang dòng ngăn cản đường di cư sinh sản. Sản lượng cá được đánh bắt giảm hàng năm, đặc biệt là các loài cá bản địa quý hiếm, như: cá mỡ trâu, cá rô cò, cá trà sóc... sản lượng hiện chỉ bằng 1/4 - 1/3 so với trước năm 2010.

Các sinh kế gắn với rừng, như: Lấy mật ong, mũ thông, dược liệu... cũng ngày càng khó khăn để duy trì. Hơn nữa, rừng suy thoái sẽ ảnh hưởng đến thực hành các giá trị văn hóa của dân cư bản địa, đây được xem là nguồn vốn sinh kế để phát triển loại hình sinh kế du lịch, góp phần đa dạng hóa các nguồn sinh kế, thu nhập của dân cư.

3.4. Giải pháp đảm bảo an ninh môi trường rừng khu vực biên giới Tây Nguyên

Đảm bảo an ninh môi trường rừng khu vực biên giới vùng Tây Nguyên không chỉ là mục

tiêu quốc gia mà còn là công cụ hữu hiệu cho công tác quản lý, phát triển lâm nghiệp và đảm bảo an ninh môi trường quốc gia. Với cách tiếp cận này, môi trường rừng của khu vực nghiên cứu đã bước đầu được cải thiện về diện tích nhưng chất lượng rừng khu vực biên giới vùng Tây Nguyên đã bị suy giảm.

Trong thời gian tới, để thúc đẩy những kết quả đạt được, đồng thời củng cố chất lượng rừng, tăng cường vai trò của rừng trong nền kinh tế và an ninh môi trường, đảm bảo an toàn xã hội, các địa phương cần có những chiến lược, giải pháp toàn diện, đột phá và bền vững, trong đó coi trọng những vấn đề chủ yếu sau:

Thứ nhất, xây dựng các khuôn khổ pháp lý liên quan

Các khuôn khổ pháp lý và chính sách đề khuyến khích và thu hút các bên liên quan trong xã hội tham gia quản lý rừng bền vững, tập trung vào:

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để thiết lập diện tích rừng quốc gia phục vụ quản lý rừng bền vững lâu dài, có mốc giới rõ ràng trên thực địa.

- Cần có chính sách mạnh mẽ để đảm bảo an ninh lương thực, lợi ích từ rừng và đầu tư phù hợp với khả năng và tập quán canh tác của địa phương.

- Cần triển khai và bổ sung mạnh mẽ việc giao đất lâm nghiệp, trong đó coi trọng việc trao quyền sở hữu lâu dài cho chủ rừng, đặc biệt là hộ gia đình và cá nhân; tập trung vào các chính sách sau giao đất, nhất là xây dựng chính sách hỗ trợ về tài chính, công nghệ, khả năng tương thích thị trường với các nghề lâm nghiệp cụ thể và năng lực quản lý của địa phương; ưu tiên tích tụ đất lâm nghiệp bằng cách xem xét công nghệ tăng cường bên cạnh các yếu tố tự nhiên, để tạo ra các vùng trồng rừng thương mại tập trung.

- Thúc đẩy các chính sách về quản lý rừng gắn với sinh kế bền vững của địa phương.

Thứ hai, tăng cường năng lực và cơ chế quản lý

Cần thúc đẩy cơ chế phân cấp và phối hợp trong quản lý rừng, thực hiện phân cấp trong mọi mặt từ hành chính đến tài chính, khuyến khích các hình thức tham gia chung trong bảo vệ và quản lý rừng.

Ngoài ra, cần cung cấp các sinh kế thay thế, được coi là hình thức quản lý hiệu quả nhất, giảm bớt áp lực lên tài nguyên rừng. Quản lý rừng phải tuân thủ nghiêm ngặt quy hoạch lâm nghiệp hằng năm và định kỳ để phát triển, điều tra, đánh giá và giám sát từng loại rừng bằng cách xác định các chính sách và mục tiêu cụ thể của ngành và quốc gia.

Thứ ba, thúc đẩy các giải pháp kinh tế - xã hội

Xây dựng cơ chế đảm bảo bình đẳng và công bằng để mọi thành phần kinh tế tham gia sản xuất lâm nghiệp được tiếp cận tín dụng và vốn vay theo từng giai đoạn phát triển lâm nghiệp. Cần nghiên cứu cơ chế bảo hiểm rủi ro trong trồng rừng để chủ rừng yên tâm đầu tư vào rừng. Xúc tiến thực hiện cơ chế chính sách kinh tế bảo đảm thu lại các giá trị dịch vụ môi trường do ngành lâm nghiệp làm ra và đang cung cấp cho xã hội.

Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, thương mại lâm sản và chính sách cho các diện tích rừng được cấp chứng chỉ, góp phần nâng cao giá trị lâm sản xuất khẩu. Các chiến dịch giáo dục, đào tạo nâng cao nhận thức về giá trị kinh tế, sinh thái của rừng, khuyến khích người dân tích cực tham gia quản lý, phát triển rừng.

Nhân rộng các mô hình quản lý lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế - xã hội như mô hình liên kết trồng rừng, bảo vệ rừng và chế biến lâm sản; mô hình kết hợp nông - lâm nghiệp; mô hình phát triển du lịch sinh thái bền vững. Đẩy mạnh phát triển mô hình trồng rừng gỗ lớn trên cơ sở liên kết các hộ, tạo vùng nguyên liệu sản xuất hàng hóa theo hướng thâm canh. Đẩy mạnh các

mô hình kết hợp lấy lâm nghiệp làm trung tâm nhằm sử dụng tổng hợp tiềm năng các tài nguyên thiên nhiên và con người, qua đó, mang lại hiệu quả cao nhất về kinh tế - xã hội và môi trường.

Thứ tư, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng

Đẩy mạnh tăng cường trao đổi thông tin, kiến thức, kinh nghiệm để kiểm soát và ngăn chặn những hành vi săn bắn, khai thác, buôn bán, vận chuyển trái phép gỗ, lâm sản, các loài động vật hoang dã ở khu vực biên giới các nước.

Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, theo dõi nghiêm ngặt những trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu gỗ, lâm sản và các loài động vật hoang dã dọc biên giới. Đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin và phối hợp giải quyết các trường hợp vi phạm trên cơ sở tuân thủ luật pháp của mỗi nước.

4. KẾT LUẬN

Môi trường rừng khu vực biên giới vùng Tây Nguyên có vai trò thiết yếu trong quá trình phát triển kinh tế, an sinh xã hội và môi trường sinh thái. Đến nay, diện tích rừng của vùng là trên 2 triệu ha, chiếm khoảng 44,4% tổng diện tích tự nhiên của các địa phương khu vực biên giới và liên quan trực tiếp đến nguồn thu nhập của phần lớn dân cư của vùng. Do đó, quản lý bảo vệ và phát triển môi trường rừng toàn diện theo hướng bền vững là mục tiêu, ưu tiên của các địa phương và Chính phủ.

Kết quả phân tích thực trạng môi trường rừng cho thấy, mặc dù đã có nhiều nỗ lực, nhưng môi trường rừng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức do nhiều nguyên nhân; cụ thể là sinh kế phụ thuộc vào rừng vẫn còn nhiều khó khăn, một số giải pháp kinh tế - xã hội chưa phù hợp với hoàn cảnh địa phương. Do đó, mặc dù diện tích rừng có tăng nhưng chất lượng rừng chưa đáp ứng yêu cầu; nhất là khi người dân địa phương chưa được hưởng lợi nhiều từ rừng và vẫn coi sinh kế phụ thuộc vào

tài nguyên rừng là nghề phụ, dẫn đến tình trạng phá rừng vẫn tiếp diễn, có diễn biến phức tạp, khó kiểm soát.

Để giải quyết các vấn đề, đặc biệt là đảm bảo an ninh môi trường rừng gắn với đảm bảo an ninh cho phát triển và sinh kế bền vững cho người dân địa phương, điều quan trọng là phải tập trung và phát huy sức mạnh xã hội. Cần có

các biện pháp tổ chức phù hợp, có chính sách linh hoạt, trong hoàn cảnh quốc gia và quốc tế nhằm khuyến khích và thu hút mọi bên liên quan trong xã hội tham gia vào công tác quản lý và phát triển bảo vệ rừng. Đây là cách duy nhất để đảm bảo an ninh môi trường của vùng nói riêng và cả nước nói chung trong tiến trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Bộ: “Nghiên cứu an ninh môi trường vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh chính trị trong điều kiện hiện nay”. Hợp đồng số 07/HĐKH-KHXH ngày 12/03/2024.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai (2023). *Sách trắng về phòng, chống thiên tai năm 2022* (lưu hành nội bộ), Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). *Giáo dục bảo vệ động vật hoang dã khu vực Tây Nguyên*, mã số B2022 - VKG - 02.MT.TĐ.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2024). *Báo cáo quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018). *Báo cáo Kết quả thực hiện Quyết định số 763/QĐ-TTg ngày 21/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tổng thể bảo tồn voi Việt Nam giai đoạn 2013-2020”*, Hà Nội.
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2011, 2015, 2021, 2023, 2024). *Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2010, 2015, 2020, 2022, 2023*, Hà Nội.
6. Nguyễn Thanh Tân, Trần Đình Thế (2016). Công tác giao rừng và thực trạng quản lý rừng tự nhiên giao cho cộng đồng ở các tỉnh Tây Nguyên. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, Kỳ 1 số tháng 8.
7. Trần Quang Bảo và nnk (2022). Thực trạng và nguyên nhân suy giảm diện tích rừng khộp ở Tây Nguyên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, số 4.
8. Nguyễn Huy Dũng (2018). *Biến động thảm rừng với nguồn sinh thủy vùng Tây Nguyên*. Viện Điều tra, Quy hoạch rừng.

Thông tin tác giả:

Nguyễn Song Tùng, Trần Thị Tuyết - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ: số 176 phố Thái Hà, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Email: songtung1711@gmail.com; Điện thoại: 0912176039

Nhật kí toà soạn:

Ngày nhận bài: 15/09/2024
Biên tập: 11/2024